

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC GIÁ,**  
**TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG**  
**QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính**

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	Tài chính doanh nghiệp	Cơ quan đại diện chủ sở hữu cấp địa phương

**2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính**

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1	1.000483	Thủ tục lập phương án giá tiêu thụ, mức trợ giá	Thông tư số 118/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính	Lĩnh vực Giá	Sở Tài chính	Lý do bãi bỏ TTHC: Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 bị bãi bỏ
2	1.007616	Thủ tục lập, phân bổ dự toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản	Thông tư số 118/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính	Lý do bãi bỏ TTHC: Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 bị bãi bỏ
3	1.001352	Thủ tục tạm ứng kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản	Thông tư số 118/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính	Lý do bãi bỏ TTHC: Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 bị bãi bỏ

		sản	chính			bãi bỏ
4	1.007619	Thủ tục thanh toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản	Thông tư số 118/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính	Tài chính Sở Tài chính	Tài chính	Lý do bãi bỏ TTHC: Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 bị bãi bỏ
5	1.001254	Thủ tục quyết toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản	Thông tư số 118/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính	Tài chính Sở Tài chính	Tài chính	Lý do bãi bỏ TTHC: Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 bị bãi bỏ

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH**

- Tên thủ tục: **“Thủ tục xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp”**.

### **1. Trình tự thực hiện**

- Doanh nghiệp xác định số lãi chậm nộp về Quỹ đến thời điểm Nghị định có hiệu lực thi hành báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu hồ sơ để được xem xét, miễn lãi chậm nộp.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị miễn lãi chậm nộp của doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện thẩm định, ra quyết định miễn lãi chậm nộp cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định, trong đó nêu rõ số tiền doanh nghiệp được miễn lãi và số tiền còn phải nộp. Quyết định miễn lãi chậm nộp gửi doanh nghiệp và Bộ Tài chính.

- Trường hợp hồ sơ miễn lãi chậm nộp chưa đảm bảo đầy đủ nội dung, tài liệu theo quy định thì cơ quan đại diện chủ sở hữu (nêu rõ lý do) trả lời doanh nghiệp trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính cho cơ quan đại diện chủ sở hữu.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

#### **3.1 Thành phần hồ sơ**

- Văn bản đề nghị của doanh nghiệp về việc xem xét, miễn lãi chậm nộp (bản chính) theo Phụ lục V kèm theo Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ;

- Các tài liệu liên quan theo các trường hợp quy định tại điểm 1 Phụ lục này (bản chính/sao y).

- Tài liệu, chứng từ nộp về Quỹ và xác định số còn phải nộp (bản chính/sao y).

#### **3.2 Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

### **4. Thời hạn giải quyết:** 30 ngày.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức trong nước có lãi chậm nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

**6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Cơ quan đại diện chủ sở hữu tại địa phương.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận/chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

## **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**

- Doanh nghiệp có kết quả kinh doanh thua lỗ và/hoặc còn lỗ lũy kế đến thời điểm được xem xét miễn lãi chậm nộp; doanh nghiệp đã sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản bồi thường của tập thể, cá nhân có liên quan đến việc chậm nộp nhưng không đủ để bù đắp khoản lãi chậm nộp, Doanh nghiệp nộp nhằm về ngân sách nhà nước thay vì nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp (Quỹ).

- Doanh nghiệp chậm nộp tiền về Quỹ theo thời gian quy định do Cơ quan có thẩm quyền chậm phê duyệt quyết toán cổ phần hóa dẫn đến.

- Doanh nghiệp cổ phần hóa khi đánh giá lại giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần không phát sinh dòng tiền dẫn đến chậm nộp tiền về Quỹ theo thời gian quy định.

- Doanh nghiệp cấp 2 cổ phần hóa theo hình thức bán bớt phần vốn đầu tư của doanh nghiệp cấp 1 đã hoàn tất việc bán cổ phần lần đầu chậm nộp hoặc chưa nộp tiền thu từ bán cổ phần lần đầu tương ứng số tiền phải hoàn trả doanh nghiệp cấp 1 phần giá trị sổ sách của số cổ phần bán ra và số thuế phải nộp theo quy định (nếu có).

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ./.